TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-PT
Ngày: 05-01-2021
V/v: Khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Bà Nguyễn Thị Như

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng***: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: "Khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Sầm Thị D; sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đ, Luật sư - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 22, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Người bị kiện: Trưởng Công an huyện C, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng M – Chức vụ: Trưởng Công an huyện C; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn Th - Chức vụ, nơi công tác: Phó trưởng Công an huyện C, tỉnh Cao Bằng; (Giấy ủy quyền ngày 07/02/2020). Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Vũ Văn Đ; sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3.2. Ông Hà Văn Đ1; sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã Xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3.3. Ông Lương Văn T1; sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm Mỏ Sắt, Xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3.4. Ông Hoàng Văn H

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3.5. Ông Phạm Trung V; sinh năm 1995;

3.6. Ông Nguyễn Nông T2; sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Công an huyện C, tỉnh Cao Bằng, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2020, Bản tự khai ngày 14/02/2020, các phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Sầm Thị D trình bày:

Ngày 07/6/2019, bà bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi tàng trữ quặng trái phép. Tuy nhiên, do bị bệnh nên sáng ngày 08/6/2019 bà có đi thành phố Cao Bằng để khám bệnh. Cơ quan Công an đã tiến hành thu giữ, bốc, chuyển số quặng tại nhà mà không có sự có mặt của bà và gây thiệt hại, hư hỏng một số tài sản.

Sau khi sự việc xảy ra, bà D đã làm Đơn kiến nghị gửi Trưởng Công an huyện C để tố cáo hành vi vi phạm của các cán bộ Công an huyện C khi thực thi công vụ. Trưởng Công an huyện C đã ban hành Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 885/TB-CAHA ngày 26/6/2019 (Viết tắt là: Thông báo số 885) với nội dung kết luận toàn bộ nội dung tố cáo của bà D là sai, không đúng sự thật.

Do không nhất trí với nội dung Thông báo nên bà D đã làm Đơn kiến nghị (Lần 02) gửi đến Công an tỉnh Cao Bằng và nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất số 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 (Viết tắt là: Quyết định số 1138) với nội dung toàn bộ nội dung khiếu nại của bà D là sai, giữ nguyên Thông báo số 885.

Do không nhất trí với Quyết định số 1138 nên ngày 27/8/2019, bà tiếp tục làm Đơn khiếu nại gửi đến Công an tỉnh Cao Bằng và nhận được Phiếu hướng dẫn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân.

Đến ngày 05/01/2020, bà Sầm Thị D viết đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cao Bằng.

Bà D cho rằng, quá trình thu giữ quặng sắt, các cán bộ, chiến sĩ Công an đã làm hư hỏng, thiệt hại một số tài sản, cụ thể như sau:

- 01 (Một) nhà ngói gỗ nghiến 03 (Ba) gian, trị giá 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

- 01 (Một) nhà bếp gỗ, trị giá 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

- 01 (Một) nhà xây cấp IV, trị giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);

- 01 (Một) nhà kho dùng đựng đồ, trị giá 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng); Tại phiên tòa, bà D đã thay đổi giá trị nhà kho này lên thành 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

- Phần dây điện, vòi nước bị hư hỏng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

- Vườn rau lang, chuối, rau, cột hàng rào bị hư hỏng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

Ngoài ra, bà còn phát hiện bị mất 08 (Tám) chỉ vàng, giá tại thời điểm xét xử áp dụng theo báo giá của Công ty vàng bạc đá quý Kim Tín lúc 17 giờ 00 ngày 21/7/2020 là 5.058.000đ/chỉ (Năm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng), trị giá 40.464.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tổng giá trị thiệt hại là 376.464.000đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D yêu cầu xem xét, hủy Quyết định số 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 của Trưởng Công an huyện C về việc giải quyết khiếu nại (lần thứ nhất) và yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng giá trị là 376.464.000đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 09/02/2020, các phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Hà Văn Th trình bày:

Ngày 07/6/2019, Cơ quan Công an phát hiện hành vi tàng trữ quặng trái phép của bà Sầm Thị D và thông báo cho bà sáng ngày 08/6/2019 có mặt tại nhà để Cơ quan Công an tiến hành giải quyết vụ việc; bà D đã ký xác nhận vào Biên bản làm việc nhưng sáng 08/6/2019 bà không có mặt tại nhà. Quá trình thu giữ quặng vắng mặt bà D nhưng có sự tham gia đầy đủ của đại diện chính quyền địa phương; có video chứng minh quá trình thu giữ không hề làm hư hỏng các tài sản, đồ vật như bà D đã trình bày; quá trình làm việc không có ai thuộc thành phần tham gia đi vào nhà bà D nên không liên quan đến việc mất 08 (Tám) chỉ vàng của bà. Do đó yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1138: Toàn bộ quá trình giải quyết các Đơn kiến nghị của bà D đều đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo đúng quy

định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Vì vậy, yêu cầu này là không có căn cứ.

Các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, tất cả những người làm chứng đều xác nhận: Quá trình phối hợp cùng cơ quan Công an thu giữ quặng tại nhà bà D được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và không gây bất cứ thiệt hại nào đến tài sản của bà D, không có ai vào nhà bà D trong suốt quá trình làm việc. Ông Phạm Trung V, ông Nông Nguyễn T2 còn xác nhận: Hôm tiến hành thu giữ tang vật, bà D vẫn có mặt tại nhà nhưng cố tình bỏ đi, không phối hợp cùng cơ quan chức năng để thực hiện nội dung đã được thông báo trước.

Ý kiến của người bảo bệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Quyết định số 1138 được ban hành có căn cứ, trình tự thủ tục ban hành đúng quy định của pháp luật, do vậy không đủ cơ sở để hủy quyết định này. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, chưa đủ căn cứ chứng minh thiệt hại về tài sản của bà D do việc thu giữ quặng ngày 08/6/2019 của Cơ quan Công an gây ra, do vậy khó mà chấp nhận yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cao Bằng đã quyết định: Căn cứ vào các khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 6 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 184, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Sầm Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất số 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 của Trưởng Công an huyện C; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị D về việc yêu cầu Công an huyện C, tỉnh Cao Bằng bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là là 376.464.000đ (Ba trăm bẩy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2020, bà Sầm Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cung cấp thêm đơn xin miễn nộp tiền phí và giấy chứng nhận hộ nghèo, người bị kiện vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm, không xuất trình tài liệu gì mới.

Người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện có ý kiến:

Quyết định 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 của Trưởng Công an huyện C về giải quyết khiếu nại ban hành là có căn cứ, đúng thẩm quyền trình tự theo quy định, bởi bà D tàng trữ quặng là trái pháp luật. Tuy nhiên trong hồ sơ không có biên bản tàng trữ, thu mua, biên bản buộc bà D chấm dứt hành vi vi phạm. Hành vi tàng trữ đã từ năm 2017, Uỷ ban nhân dân xã đã không xử lý kịp thời,

đó thuộc trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân xã, cũng là nguyên nhân xảy ra vi phạm của bà D. Bà Dung không được giao biên bản ngày 08/6/2020 để ở nhà làm việc, mà bà D đi bệnh viên khám bệnh là lý do chính đáng.

Về xác định thiệt hại: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và biên bản thẩm định rại chỗ. Không có căn cứ khi thu giữ quặng đã gây thiệt hại cho tài sản, hư hỏng nhà của bà D, Do vậy bà D yêu cầu bồi thường thiệt hại khó mà được chấp nhận. Tuy nhiên bà D vẫn khăng khăng yêu cầu bồi thường thiệt hại, bà cần suy nghĩ lại.

Về án phí, bà D thuộc diện hộ nghèo, được miễn án phí theo quy định của pháp luật, nhưng ở cấp sơ thẩm bà không làm đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ là hộ nghèo. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D có nộp đơn xin miễn án phí và giấy tờ chứng cứ hộ nghèo kèm theo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà D. Bà Dung không có ý kiến gì bổ sung.

Ý kiến của người bị kiện: Quyết định 1138/QĐ-CAHA ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Công an huyện C về giải quyết khiếu nại, được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục. bà D yêu cầu hủy là không có cơ sở.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D, các tài liệu chứng cứ tại phiên phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều chưng minh quá trình thu quặng của bà D tổ công tác Công an huyện C, không gây thiệt hại gì cho tài sản, nhà của bà D do vậy bà D yêu cầu bồi thường là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo đã nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Sầm Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cao Bằng. Về án phí, theo quy định của pháp luật bà D thuộc diện miễn án phí do đó cấp phúc thẩm cần sửa lại phần án phí .

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính nhưng không có đương sự vắng mặt là không đúng; áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 184, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng, mà cần áp dụng Điều 7, Điều 31, Điều 348 Luật tố tụng hành chính và Điều 30 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án mới chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án số 01/2020/HC-ST. Ngày 30/7/2020, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo và

đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 206, 209 Luật tố tụng hành chính thì đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về tố tụng: Bà Sầm Thị D khởi kiện đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất số 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 của Trưởng Công an huyện C. Quyết định này là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Thời điểm bà D nộp Đơn khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Việc Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa một số người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 159, khoản 3 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Sầm Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

Bà Dung có hành vi tàng trữ khoáng sản (Quặng nguyên khai) không có nguồn gốc hợp pháp đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nên Công an huyện C tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của bà D là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Quá trình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của bà D là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

Bà Dung cho rằng quá trình tạm giữ tang vật không có mặt bà là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản tạm giữ tang vật ngày 08/6/2019 của Công an huyện C cho thấy việc tạm giữ đã được tiến hành cùng với sự tham gia của chính quyền địa phương và người chứng kiến là không trái với quy định tại Điều 125, Luật xử lý vi phạm hành chính quy định về tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính.

Quá trình giải quyết đơn tố cáo của bà D được thực hiện chưa đúng theo quy định của Luật Tố cáo, Nghị định số 22/2019/NĐ-CP ngày 25/02/2019 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Cụ thể, không tiến hành xác minh cụ thể người bị tố cáo là ai; không ra Quyết định thụ lý tố cáo, Thông báo về việc thụ lý tố cáo; không tiến hành làm việc trực tiếp với người tố cáo, người bị tố cáo; không có Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo chưa được ban hành đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo và không đúng mẫu 12 Nghị định 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ

chức thi hành Luật Tố cáo. Tuy nhiên Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 885/TB-CAHA ngày 26/6/2019 đã giải quyết đầy đủ nội dung tố cáo của bà D.

Sau khi nhận được Thông báo số 885, trong tháng 7/2019 (đơn không ghi rõ ngày), bà D tiếp tục làm Đơn kiến nghị (Lần 02) gửi đến Công an tỉnh Cao Bằng do không nhất trí với nội dung Thông báo trên. Theo điểm d khoản 1 Điều 9 Luật tố cáo thì người tố cáo có quyền: "*Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết*". Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật Tố cáo và điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 22/2019/NĐ-CP ngày 25/02/2019 thì đây không phải là trường hợp tố cáo tiếp.

Đơn kiến nghị của bà D được xác định là Đơn khiếu nại Quyết định hành chính, hành vi hành chính theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 về hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 thì thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại của bà D thuộc Trưởng Công an huyện C, Cao Bằng.

Sau khi nhận đơn của bà D, Trưởng Công an huyện C đã tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo Điều 27, 29, 30 Luật Khiếu nại. Quyết định số 1138 được Trưởng Công an huyện C ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013, có đầy đủ nội dung và đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 54/2017/TT-BCA ngày 15/11/2017 của Bộ Công an. Do đó, việc bà D yêu cầu hủy Quyết định số 1138 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Bà D cho rằng trong quá trình thu giữ quặng tại nhà riêng của bà, cán bộ Công an huyện C đã gây hư hỏng, thiệt hại một số tài sản với tổng giá trị thiệt hại là 376.464.000đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/12/2020 bà Sầm Thị D xin hoãn phiên tòa và có đơn yêu cầu thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu thẩm định để làm rõ thêm chứng cứ là cần thiết nên đã ra quyết định hoãn phiên tòa; Tòa án ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và đã tiến hành Thẩm định tại chỗ vào ngày 22/12/2020. Kết quả thẩm định như sau:

- Ngôi nhà gỗ 03 gian dựng năm 2004 (theo ý kiến bà D): cột gỗ, xung quanh tường ván bưng, kèo gỗ, xà gỗ, li-tô (kép chỉ) bằng tre, mái lợp ngói, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ. Hiện trạng, mái ngói bị dồn, thủng một số chỗ.

- Nhà bếp: 01 gian, cột gỗ, xung quanh tường là vách tre kết hợp với ván và đất, kèo gỗ, xà bằng cây tre, li-tô (kép chỉ) bằng tre, mái lợp ngói. Hiện trạng mái ngói bị dồn và thủng một số chỗ.

- Nhà xây năm 2010 (theo ý kiến bà D): nhà cấp 04, 02 gian, tường xây gạch chỉ dày 110 mm, trát tường trong và ngoài nhà, kèo giữa nhà là bằng gỗ kết hợp với dầm bê tông, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, xà gồ bằng gỗ thông, mái lợp pờ rô xi măng. Hiện trạng góc trái cửa ra vào vỡ một tấm fibro xi măng, một số tấm bị thủng, tường phía sau nhà có một số vệt va đập (còn mới) tường ở cạnh cửa đi phía sau bị bong lớp trát khoảng 0,3 m^2.

- Nhà đựng đồ xây năm 2011 (theo kiến bà D) nhà cấp 04, 02 gian, tường 110mm, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, xà bằng tre, mái lợp fibro xi măng, mặt sau nhà có một vết nứt tiếp giáp giữa nhà và 01 bức tường được xây nối liền nhà.

- Dây điện: Có 02 dây đơn nối từ nhà gỗ 03 gian sang nhà xây 02 gian.

- Ống nước: Giữa sân có một đoạn ống nước bị đứt.

Các bên đương sự đều nhất trí với mô tả thẩm định tại chỗ về hiện trạng như trên. Ý kiến của ông Hà Văn Th người được ủy quyền của người bị kiện: Qua thẩm định cho thấy, không phát hiện được dấu vết thiệt hại do máy móc để lại. Ông Lương Hồng H1, cán bộ Công an huyện C là người được trực tiếp tham gia tạm giữ tang vật vi phạm tại nhà bà D xác định: vết va đập phía sau nhà xây 02 gian là vết còn mới, không phải do máy xúc cào; nhà gỗ 03 gian một số chỗ mái ngói bị dồn còn mới. Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh cũng xác định nhà 03 gian, ngói bị dồn một số chỗ còn mới, vết va đập phía sau nhà 02 gian còn mới. Bà Dung không nhất trí với ý kiến của đại diện Công an huyện C. Xét thấy ý kiến của đại diện người bị kiện, người trực tiếp được tham gia tạm giữ tang vật và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh là đúng với thực tế xem xét, thẩm định tại chỗ. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ không đủ cơ sở cho rằng quá trình thu giữ quặng đã làm hư hỏng tài sản, nhà cửa của bà D, ngói dồn, thủng, tường nứt, đây điện đứt ...

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà D không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thêm chứng minh cho thiệt hại của mình. Việc tạm giữ tang vật vi phạm hành chính của bà Sầm Thị D có đầy đủ thành phần tham gia. Ngoài Công an huyện còn có Đại diện Ủy ban nhân dân xã, Bí thư chi bộ, kiêm trưởng xóm, trưởng Công an xã, Công an viên xóm và dân quân xã. Tất cả những người cùng tham gia làm chứng trong quá trình thu giữ quặng đều xác nhận không gây hư hỏng tài sản gì của gia đình nhà bà D, không có ai vào nhà bà D trong suốt buổi làm việc. Tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Công an cung cấp và đoạn video ghi lại quá trình thu giữ quặng cũng cho thấy Cơ quan Công an không gây thiệt hại gì. Vậy, yêu cầu của bà D không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về kiến nghị khắc phục vi phạm của Kiểm sát viên: Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính nhưng không có đương sự vắng mặt là không đúng; áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 184, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng, mà cần áp dụng Điều 7, Điều 31, Điều 348 Luật tố tụng hành chính và Điều 30 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án mới chính xác.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Sầm Thị D nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 4.500.000đ tại biên bản nhận tiền ngày 19/12/2020. Chi phí xem xét, thẩm định hết số tiền 1.800.000đ (có Bản kê chi phí kèm theo). Số tiền còn lại 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) trả lại cho bà Sầm Thị D.

[6] Về án phí:

Bà Sầm Thị D thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật (thuộc hộ nghèo) nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D không có đơn đề nghị xin miễn tạm ứng án phí, án phí và tài liệu chứng cứ kèm theo nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét miễn án phí cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí và giấy chứng nhận hộ nghèo kèm theo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Sầm Thị D thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C về: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1138/QĐ-CAHA ngày 20/8/2019 của Trưởng công an huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất và yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng giá trị là 376.464.000đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Sửa phần án phí hành chính và án phí dân sự có giá ngạch của bản án hành chính sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bà Sầm Thị D.

Trả lại cho bà Sầm Thị D:

- 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001389 ngày 20/01/2020 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Cao Bằng;

- 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm số tiền là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001467, ngày 11/8/2020 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Cao Bằng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Sầm Thị D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Bà

Sầm Thị D đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Văn Sơn